

Số: 195/BC-THHTM

Cẩm Phả, ngày 24 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu

2. Địa chỉ trụ sở và các địa chỉ hoạt động:

- Địa chỉ trụ sở: Tổ 3, khu Lê Lợi, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại liên hệ: 0396620760

- Địa chỉ thư điện tử: c1hotungmau@campha.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <http://campha.edu.vn/thhotungmau>

- Trang Fanpage:

https://www.facebook.com/profile.php?id=100085928792650&locale=vi_VN

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng:

Xây dựng môi trường dạy và học có nền nếp, kỷ cương, thân thiện và chất lượng để mỗi cán bộ, giáo viên thể hiện được năng lực sở trường, phẩm chất, khả năng sáng tạo; mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, trở thành những con người “yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ và trách nhiệm”; ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự, tiếp thu nhanh chóng kiến thức mới mẻ và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

Hoạt động giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thực hiện tốt quyền “tự chủ chuyên môn”.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu trở thành một ngôi trường hạnh phúc “yêu thương, an toàn và tôn trọng”. Xứng đáng là ngôi trường có chất lượng cao, có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái,

hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.3.1. Mục tiêu chung

1) Luôn trung thành với sự lãnh đạo của đảng; xây dựng lực lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp; tâm huyết với nghề và đặc biệt toàn tâm toàn ý phát triển giáo dục toàn diện của nhà trường.

2). Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục toàn diện, phát triển 5 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực cốt lõi (3 năng lực chung, 7 năng lực đặc thù theo mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông mới).

3). Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, hiện đại; có đầy đủ cơ sở vật chất để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục; phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

4). Xây dựng nhà trường giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3; giữ vững uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, thúc đẩy giáo dục địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và thời đại.

5). Phát huy tích cực công tác xã hội hóa giáo dục.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể đến 2026

** Với cán bộ, giáo viên, nhân viên*

Luôn được trao cơ hội trong công việc, quan tâm cùng giúp đỡ nhau trong cuộc sống để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên an tâm công tác, phát huy hết sở trường cá nhân, mang tất cả kiến thức, tình thương, lòng nhiệt tình và sáng tạo để đem lại những điều mới mẻ cho học sinh theo đúng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục.

100% CBGVNV được khai thác tối đa các thiết bị dạy học vào các giờ học và các hoạt động giáo dục.

** Với học sinh*

Tích cực lắng nghe, hiểu, chia sẻ và tạo mọi điều kiện trong học tập luôn là mục tiêu mà nhà trường hướng tới với từng học sinh để trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết, để học sinh phát huy hết được năng lực cá nhân của mình.

Học sinh chủ động, tích cực hơn trong học tập và tham gia mọi hoạt động trong môi trường giáo dục văn minh, thân thiện và an toàn để mỗi ngày học sinh đến trường là một ngày hạnh phúc.

** Với cha mẹ học sinh:* Niềm tin tưởng của quý cha mẹ học sinh đối với các biện pháp giáo dục của nhà trường là động lực để nhà trường tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh giáo dục học sinh thành những người con

yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ và trách nhiệm, những con người năng động, quyết đoán và mạnh mẽ trong tương lai.

** Với cơ sở vật chất*

Tiếp tục khai thác triệt để phát huy tối đa, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phòng học thông minh, thiết bị dạy học để đáp ứng chương trình GDPT 2018.

Xây dựng nhà trường dần hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, mạng lưới thông tin phủ sóng toàn trường.

Rà soát các thiết bị dạy học để đề xuất mua sắm, cấp phát bổ sung đáp ứng yêu cầu dạy và học.

** Xây dựng môi trường học tập hạnh phúc:* Thực hiện tốt các tiêu chí cốt lõi của trường học hạnh phúc “yêu thương, an toàn và tôn trọng”.

** Công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn Quốc gia; phổ cập giáo dục*

Tiếp tục đề xuất bổ sung CSVN để giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và công tác kiểm định chất lượng cấp độ 3.

Phổ cập giáo dục: Đạt chất lượng Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

** Với ngành giáo dục:*

Thực hiện tốt mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới cấp tiểu học là giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Nắm bắt, hiểu mục tiêu cho những chính sách mới của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT. Chúng tôi khẳng định mình sẽ là niềm tự hào cho ngành giáo dục Cẩm Phả.

** Với đất nước:* Có trách nhiệm xã hội hoá giáo dục, góp phần hình thành xã hội học tập. Đào tạo những con người yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ và trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

4.3.3. Mục tiêu đến năm 2030

Tiếp tục kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của nhà trường, phát triển toàn diện về mọi mặt, tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, niềm tin của nhân dân.

Khẳng định là trung tâm văn hóa của ngành giáo dục, trường Tiểu học tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy giáo dục địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu được thành lập từ năm 1968 đặt tại tổ 3, khu Lê Lợi phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu đã từng bước đi lên, trường được xây mới lại năm 2008 gồm 3 dãy nhà gồm 11 phòng học thông thường; 03 phòng học bộ môn, và các phòng chức năng. Với truyền thống “Quản lý tốt - dạy tốt - học tốt” năm 2016 nhà trường được UBND Tỉnh Quảng Ninh ra quyết định công nhận “Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chuẩn Chất lượng Giáo dục Tiểu học cấp độ III”.

Trong những năm qua, Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu đã nỗ lực bằng nhiều giải pháp, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Luôn coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có chất lượng cao: nhiệt tình, có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn vững vàng, phương pháp giảng dạy và công tác tốt. Đội ngũ cán bộ quản lý không ngừng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý. Cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu cơ bản cho hoạt động giảng dạy và học tập của thầy và trò. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết nhất trí cao trong mọi hoạt động, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của ngành. Nhà trường luôn giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tỷ lệ HS lên lớp thẳng luôn đạt từ 99% trở lên, tỷ lệ HTCTTH luôn đạt 100%.

Nhà trường luôn đạt tiên tiến, được sở giáo dục và UBND tặng giấy khen Công đoàn vững mạnh xuất sắc, LĐLĐ tặng giấy khen Liên đội vững mạnh cấp TP và nhiều giấy khen của UBND phường,...

Với những thành tích đã đạt được, nhà trường luôn duy trì và tiếp tục thi đua, đoàn kết một lòng phấn đấu đạt thành tích cao về mọi mặt không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.

6. Thông tin người đại diện:

Họ và tên: Đinh Thị Thủy - Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu.

Số điện thoại: 0396620760

Địa chỉ thư điện tử: dingthithuy.c1cp@campha.edu

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, sáp nhập của đơn vị

Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu được thành lập năm 1968

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc kiện toàn Hội đồng Trường các trường Mầm non, Phổ thông công lập thuộc UBND thành phố nhiệm kỳ 2021-2026;

Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Ông/Bà	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng trường
1	Bà	Đinh Thị Thủy	Bí thư cấp ủy-Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà	Phạm Thị Mỹ Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà	Nguyễn Thị Liên	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
4	Bà	Nguyễn Thị Phụng	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Thành viên
5	Bà	Bùi Thị Thu Hương	Tổ trưởng chuyên môn 1, 2,3	Thành viên
6	Bà	Nguyễn Huyền Trang	Tổ trưởng chuyên môn 4,5	Thành viên
7	Bà	Vũ Thị Thanh	Nhân viên - Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
8	Ông/bà	Đại diện chính quyền địa phương	Phó chủ tịch UBND phường phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội	Thành viên
9	Ông/bà	Ban đại diện CMHS trường	Trưởng BDD CMHS	Thành viên

Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường các trường Mầm non, Phổ thông công lập thuộc UBND thành phố nhiệm kỳ 2021-2026;

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đơn vị:

* Hiệu trưởng: Đinh Thị Thủy

Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu đối với bà Đinh Thị Thủy, Hiệu trưởng trường Tiểu học Phan Bội Châu đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu. Thời gian bổ nhiệm 05 năm, kể từ ngày 01/7/2022.

* Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Mỹ Thanh

Quyết định số 4124/QĐ-UBND ngày 06/08/2021 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn 05 năm đối với bà Phạm Thị Mỹ Thanh - Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Cẩm Đông giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu, kể từ ngày 10/08/2021;

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

* **Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:** Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu ban hành kèm theo Quyết định số

187/QĐ-THHTM ngày 23/10/2024 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu.

*** Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ sở giáo dục:**

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT cấp tiểu học do Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình GDPT cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình GDPT cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ GD&ĐT; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của UBND tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý CB, GV, NV và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:**



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

(1) Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu về chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

(2) Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 172/QĐ-THHTM ngày 12/10/2024 của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

(3) Các nghị quyết của hội đồng trường

- Nghị quyết HĐT T8.2024 (Phê duyệt KHGD, KH nhân sự, KH QL Tài sản... năm 2024-2025;

- Nghị quyết HĐT T8.2024 (Phiên họp đầu năm: triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025);

- Nghị quyết HĐT T9.2024 V/v Thống nhất đề xuất, lựa chọn hình thức tổ chức các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và tổ chức các hoạt động sau giờ học chính thức (chính khóa) năm học 2024-2025;

- Nghị quyết HĐT T1.2025 (Phiên họp giữa năm: sơ kết học kì I, năm học 2024 - 2025);

- Nghị quyết HĐT T4.2025 (ký hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ hợp đồng lao động xác định thời hạn theo văn bản số 1138/QĐ-UBND; 1321 UBND-NV);

- Nghị quyết HĐT T5.2025 (Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026);

- Nghị quyết HĐT T5.2025 (Phiên họp cuối năm: Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, phương hướng hè 2025

(4) Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính

- Quy chế công khai 2024-2025 (TT09.2024)
- Quy chế quản lý tài sản công năm 2024
- Quy chế làm việc 2024-2025
- Quy chế chi tiêu nội bộ 2024
- Quy chế tổ chức và hoạt động trong nhà trường

(5) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Đề án VTVL đơn vị SNCL 12.2023
- Kế hoạch phát triển đội ngũ NG và CBQL giáo dục 2024 - 2025

(6) Các quy định, quy chế nội bộ khác

- Nội quy nhà trường 2024-2025
- Nội quy tiếp công dân 2024; Lịch tiếp công dân
- Quy tắc ứng xử 2024-2025
- Quy chế thi đua khen thưởng 2024-2025
- Quy chế quản lý dạy học trực tuyến 2024-2025

- Quy chế phối hợp giữa Nhà trường với Công an phường trong việc thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn xã hội năm học 2024-2025;

- Quy chế phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong việc giáo dục học sinh năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Tên/Vị trí việc làm	Tổng số vị trí việc làm		Ngạch công chức/ chức danh nghề nghiệp viên chức	Trình độ chuyên môn đào tạo					Đối sánh số liệu Năm 2024
		Số vị trí	Số CB, GV, NV theo vị trí		ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
	TỔNG CỘNG	13	31		0	1	0	1	2	Tăng 01
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	2				2	0	0	Không thay đổi
1.1	Vị trí việc làm cấp trưởng	1	1	V.07.03.28			1			
1.2	Vị trí việc làm cấp phó	1	1	V.07.03.28			1			

STT	Tên/Vị trí việc làm	Tổng số vị trí việc làm		Ngạch công chức/ chức danh nghề nghiệp viên chức	Trình độ chuyên môn đào tạo					Đối sánh số liệu Năm 2024
		Số vị trí	Số CB, GV, NV theo vị trí		ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
2	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	4	23		0	1	20	1	0	Thêm 01 nhân viên giáo vụ
2.1	Vị trí việc làm 1: Giáo viên tiểu học (GVTH)	1	22			1	20	1		
	+ GVTH hạng I		0	V.07.03.27						
	+ GVTH hạng II		8	V.07.03.28			8			
	+ GVTH hạng III		13	V.07.03.29		1	12			
	+ GVTH hạng IV		1	V.07.03.08				1		
2.2	Vị trí việc làm 2: Nhân viên Giáo vụ	1	1	V.07.07.21						Thêm 01 nhân viên giáo vụ (HĐLĐ theo chỉ tiêu TP (T5.2025))
2.3	Vị trí việc làm 3: NV Tư vấn học sinh	1		V.07.07.21						
2.4	Vị trí việc làm 4: NV Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1		V.07.06.16						
3	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	5	2		0	0	0	0	2	Không thay đổi
3.1	Vị trí việc làm 1: Thư viện viên	1	1	V.10.02.07					1	
3.2	Vị trí việc làm 2: Quản trị công sở	1								
3.3	Vị trí việc làm 3: Kế toán viên	1		6,031						
3.4	Vị trí việc làm 4: Văn thư viên, thủ quỹ	1		2,007						
3.5	Vị trí việc làm 5: Y tế học đường	1	1	V.08.03.13					1	
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2	4		0	0	0	0	0	Không thay đổi
4.1	Vị trí việc làm 1: Nhân viên phục vụ	1	2							
4.2	Vị trí việc làm 2:	1	2							

STT	Tên/Vị trí việc làm	Tổng số vị trí việc làm		Ngạch công chức/ chức danh nghề nghiệp viên chức	Trình độ chuyên môn đào tạo					Đối sánh số liệu Năm 2024
		Số vị trí	Số CB, GV, NV theo vị trí		ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	
	Nhân viên Bảo vệ									

* **Đối sánh số liệu với năm 2024:** Thêm 01 vị trí nhân viên Giáo vụ học đường (T5.2025: HĐLĐ theo chỉ tiêu TP)

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định (tự đánh giá)

STT	Vị trí việc làm	TS CB, GV	Chuẩn nghề nghiệp theo quy định						Tỷ lệ (Đạt/chưa Đạt)	Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
			Tốt	%	Khá	%	Đạt	%		
	TỔNG CỘNG						0		0	
I	Cán bộ quản lý	2	2	100			0		0	Tốt: 2/2 đạt 100%
1	Hiệu trưởng	1	1	50						
2	Phó hiệu trưởng	1	1	50						
II	Giáo viên	22	14	63,6	8	36,4	0		0	100%
1	Giáo viên văn hóa	17	12	70,6	5	29,4				Tăng 03 đạt Tốt Giảm 03 đạt Khá
2	Số giáo viên dạy môn chuyên biệt:	5	2	40	3	60				Không thay đổi
2.1	Ngoại ngữ	2	1	50	1	50				Không thay đổi
2.2	Tin học	0								
2.3	Âm nhạc	1			1	100				Không thay đổi
2.4	Mỹ thuật	1			1	100				Không thay đổi
2.5	Thể dục	1	1	100						Không thay đổi

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đánh giá xếp loại viên chức năm học 2024-2025.

ST T	Vị trí việc làm	TS CB, GV	Đánh giá xếp loại VC								Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
			XS	%	HTT	%	HT	%	C HT	%	
	TỔNG CỘNG						0				
I	Cán bộ quản lý	2	1	50	1	50	0				Không thay đổi
1	Hiệu trưởng	1			1	50					
2	Phó hiệu trưởng	1	1	50							
II	Giáo viên	22	2	9,1	20	90,9	0				100%
1	Giáo viên văn hóa	17	1	5,9	16	94,1					Giảm 01 XS
2	Số giáo viên dạy môn chuyên biệt:	5	1	20	4	80					Không thay đổi
2.1	Ngoại ngữ	2			2	100					Không thay đổi

ST T	Vị trí việc làm	TS CB, GV	Đánh giá xếp loại VC								Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
			XS	%	HTT	%	HT	%	C HT	%	
2.2	Tin học	0									
2.3	Âm nhạc	1			1	100					Không thay đổi
2.4	Mỹ thuật	1			1	100					Không thay đổi
2.5	Thể dục	1	1	100							Không thay đổi
III	Nhân viên	2									
1	TV-TB	1			1	100					Có thay đổi XL
2	Y tế	1	1	100							Có thay đổi XL

d) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Vị trí việc làm	TS CB,GV	Số CB, GV, NV tham gia	Số CB, GV, NV hoàn thành (Đạt)	Số CB GV, NV chưa hoàn thành (Chưa đạt)	Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
	TỔNG CỘNG				0	Tăng 01
I	Cán bộ quản lý	2	2	2	0	Không thay đổi
1	Hiệu trưởng	1	1	1	0	
2	Phó hiệu trưởng	1	1	1	0	
II	Giáo viên	22	22	22	0	Không thay đổi
1	Giáo viên văn hóa	17	17	17	0	
2	Số giáo viên dạy môn chuyên biệt:	5	5	5	0	
III	Nhân viên	3	2	2	01	Tăng 01 vị trí nhân viên giáo vụ
1	Thiết bị - thư viện	1	1	1	0	
2	Y tế	1	1	1	0	
3	Giáo vụ	1	0	0	1	HĐLĐ T5.2025

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 2435,4m²;

Diện tích bình quân tối thiểu: 5,7m²/ học sinh. Chưa đảm bảo so với quy định (*Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT*)

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT)

TT	Số liệu	Số phòng hiện có	Ghi chú	Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
I	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	11	Thiếu 03 phòng theo quy định	Không thay đổi
a	Phòng kiên cố	11		
b	Phòng bán kiên cố	0		
c	Phòng học tạm	0		
2	Phòng học bộ môn	03	Thiếu 03 phòng theo quy định (phòng bộ môn Khoa học-công nghệ và phòng đa chức năng; phòng ngoại ngữ)	Không thay đổi
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	01		
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	01		
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0		
	- Phòng học bộ môn Tin học	01		
	- Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	0		
	- Phòng đa chức năng	0		
a	Phòng kiên cố	03		Không thay đổi
b	Phòng bán kiên cố	0		Không thay đổi
c	Phòng tạm	0		Không thay đổi
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	01	Thiếu 04 phòng theo quy định (Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; Phòng truyền thống; phòng thư viện; phòng thiết bị)	Không thay đổi
	- Phòng thư viện	0		
	- Phòng thiết bị giáo dục	0		
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0		
	- Phòng truyền thống	0		
	- Phòng Đội Thiếu niên	01		Không thay đổi
a	Phòng kiên cố	01		Không thay đổi
b	Phòng bán kiên cố	0		Không thay đổi

TT	Số liệu	Số phòng hiện có	Ghi chú	Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
c	Phòng tạm	0		Không thay đổi
4	Khối phòng phụ trợ	04	Đủ theo quy định	Không thay đổi
	- Phòng họp	01		
	- Phòng Y tế trường học	01		
	- Nhà kho	01		
	- Khu vệ sinh học sinh	01		
	- Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc.		Đảm bảo quy định	Không thay đổi
a	Phòng kiên cố	04		Không thay đổi
b	Phòng bán kiên cố	0		Không thay đổi
c	Phòng tạm	0		Không thay đổi
II	Khối phòng hành chính quản trị	05	Thiếu 01 phòng theo quy định(Văn phòng)	Không thay đổi
	- Phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	02		
	- Văn phòng	0		
	- Bảo vệ	01		
	- Khu vệ sinh CB,GV	01		
	- Khu để xe CB,GV	01		
a	Phòng kiên cố	05		Không thay đổi
b	Phòng bán kiên cố	0		Không thay đổi
c	Phòng tạm	0		Không thay đổi
III	Khu sân chơi, thể dục thể thao	02		Không thay đổi
a	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;	01	Đủ theo quy định	Không thay đổi
b	Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.	0	Thiếu nhà giáo dục thể chất	Không thay đổi

c) Số thiết bị dạy học (TBDH) hiện có theo thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021.

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Đối sánh số liệu Năm học 2023-2024
1	TBDH tối thiểu lớp 1	Đủ TBDH tối thiểu để sử dụng	Đủ TBDH tối thiểu để sử dụng
2	TBDH tối thiểu lớp 2, 3, 4, 5	Đã thực hiện mua sắm tương đối đầy đủ; hiện đã hoàn thành quy trình mua sắm bổ sung trong năm 2024.	Đã thực hiện mua sắm tương đối đầy đủ; hiện đang thực hiện quy trình mua sắm bổ sung cho năm 2025

Số thiết bị dạy học hiện có theo thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 cơ bản đảm bảo phục vụ cho việc dạy và học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CÁC LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1

TT	Môn học/ HDGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên); Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên); Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên); Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Đại học sư phạm
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên); Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
4	TNXH	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên); Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Đại học sư phạm
5	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyến (Tổng chủ biên); Nguyễn Thị Đông (Chủ biên); Phạm Đình Bình, Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	Đại học sư phạm
7	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên); Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
			Thị Thanh Vân.	
8	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên); Nguyễn Công Trường.	Đại học sư phạm

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) Bùi Mạnh Hùng; Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên); Đỗ Hồng Dương; Vũ Thị Thanh Hương; Vũ Thị Lan; Nguyễn Thị Ngọc Minh; Trần Kim Phụng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên); Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Nguyễn Hoài Anh; Trần Thúy Nga; Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm
3	Tự nhiên và Xã hội	Cánh Diều	Mai Sĩ Tuấn (Tổng Chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên); Phùng Thanh Huyền; Nguyễn Tuyết Nga; Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên); Trần Thanh Nam (Chủ biên); Nguyễn Thị Hoàng Anh; Nguyễn Ngọc Dung; Lê Thị Tuyết Mai	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên); Phạm Đông Đức (Chủ biên) Nguyễn Duy Linh; Phạm Tràng Kha	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long; Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình; Mai Linh Chi; Nguyễn Thị Phương Mai; Nguyễn Thị Nga; Đặng khánh Nhật; Trần Thị Kim Thăng Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên); Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền	Đại học sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy; Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Thụy Anh; Nguyễn Thanh Bình (đồng chủ biên) Vũ Thị Lan Anh; Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên; Lê Thị Luận; Trần Thị Tố Oanh; Trần Thị Thu	Giáo dục Việt Nam

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 3

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên); Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên); Đỗ Hồng Dương; Nguyễn Thị Kim Oanh; Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên); Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên); Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan; Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên); Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên); Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Đại học Sư phạm
3	Đạo Đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên); Nguyễn Thị Hoàng Anh; Nguyễn Ngọc Dung; Nguyễn Thị Việt Hà.	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên); Nguyễn Tuyết Nga; Lương Việt Thái; Phùng Thanh Huyền.	Đại học Sư phạm
5	Tin học	Cánh Diều	Hồ Sỹ Đàm (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên); Hồ Cẩm Hà; Nguyễn Chí Trung; Kiều Phương Thùy.	Đại học Sư phạm
6	Công Nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng chủ biên); Hoàng Đình Long (Chủ biên); Nhữ Thị Việt Hoa; Nguyễn Thị Mai Lan.	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
7	Giáo dục thể chất	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên); Nguyễn Thành Long; Phạm Đức Toàn; Vũ Thị Mai Phương.	Đại học Sư phạm
8	Âm Nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên); Mai Linh Chi; Nguyễn Thị Nga; Đặng Khánh Nhật.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình (Chủ biên); Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Đại học sư phạm
10	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên; Trần Thị Tố Oanh.	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
11	Tiếng Anh (English Discovery)	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên); Cao Thúy Hồng.	Đại học sư phạm	

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm
3	Lịch sử và địa lý	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng chủ biên phần Địa lý), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lý), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
4	Khoa học	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Giáo dục Việt Nam
6	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Tấn Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
8	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình (Chủ biên); Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên	Đại học sư phạm

TT	Môn học/ HDGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
9	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên); Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	Đại học sư phạm
11	Tiếng Anh	English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thúy Hồng	Đại học Sư phạm
12	Tin học	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư Phạm

5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5

TT	Môn học/ HDGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên); Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên); Đỗ Tiến Đạt (Chủ Biên); Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Đại học Sư phạm
3	Lịch sử và địa lý	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên phần Lịch sử) Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử) Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh. Lê Thông (Tổng chủ biên phần Địa lí) Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí) Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
4	Khoa học	Cánh Diều	Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên); Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh	Đại học Sư phạm

TT	Môn học/ HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
			Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thanh Nam (Chủ biên); Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Giáo dục Việt Nam
6	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
8	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình-Nguyễn Thị Huyền (đồng Chủ biên); Nguyễn Hải Kiên.	Đại học sư phạm
9	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên); Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên); Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên); Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Đại học sư phạm
11	Tiếng Anh	English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thúy Hồng	Đại học Sư phạm
12	Tin học	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên); Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên); Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Đại học Sư Phạm

*** Đối sánh số liệu năm học 2023-2024:** Năm học 2024-2025 không có thay đổi

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Đạt cấp độ 2;
- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Đảm bảo tiến độ, hiệu quả theo kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

- Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2, đạt Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2011-2016 (số 2817/QĐ-UBND, ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường tiểu học)

- Giai đoạn 2016- 2021 Trường không đạt kiểm định chất lượng và chưa được công nhận Quốc gia do số học sinh tăng, cơ sở vật chất chưa đáp ứng Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và chuẩn Quốc gia.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Nhà trường có kế hoạch cụ thể để thực tự đánh giá hàng năm theo kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài:

+ Kế hoạch số 221/KH-THHTM ngày 21/10/2021 về Kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình (5 năm) từ năm học 2021-2022 đến hết năm học 2025-2026;

+ Kế hoạch số 235/KH-THHTM ngày 5/11/2021 về Kế hoạch Cải tiến kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2021-2022;

+ Kế hoạch số 296./KH-THHTM ngày 12/10/2022 về Kế hoạch Cải tiến kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2022-2023;

+ Kế hoạch số 267/KH-THHTM ngày 08/10/2023 về Kế hoạch Cải tiến kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024;

+ Kế hoạch số 233/KH-THHTM ngày 27/10/2024 về Kế hoạch Cải tiến kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024-2025;

* **Đối sánh số liệu năm học 2023-2024:** Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục thu thập minh chứng, dự kiến hoàn thiện trong tháng 8/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) **Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục** (trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan);

Năm học	Đối tượng tuyển sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Thời gian tuyển sinh	Công khai kết quả
2024-2025	Trẻ sinh năm 2018 trong vùng tuyển sinh	71 em/2 lớp	Xét tuyển	Từ 01/7 đến 06/7/2024	20/8/2024
2025-2026	Trẻ sinh năm 2019 trong vùng tuyển sinh	66 em/2 lớp	Xét tuyển	Từ 02/6 đến 06/6/2024	Trước 30/6/2025

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Năm học 2024-2025 thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các lớp 1; 2; 3; 4; 5.

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc.																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Ngoại ngữ 1							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN và XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	LS và ĐL										70	36	34	70	36	34
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34
8	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Hoạt động trải nghiệm (L1,2,3,4), CC+SH (L5)	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
11	Tin học	0			0			35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Công nghệ	0			0			35	18	17	35	18	17	35	18	17
2. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Tăng cường Toán	70	36	34	70	36	34	35	18	17						
2	Tăng cường Tiếng Việt	140	72	68	105	54	51	35	18	17	35	18	17	35	18	17
3	Tăng cường Âm nhạc															
3	Tăng cường Mỹ thuật				35	18	17	35	18	17						
4	Tăng cường HĐTN	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Giáo dục KN Công dân số	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
	TỔNG	33			33											
	Tổng số tiết/ tuần	1155 tiết/35 tuần = 33 tiết/ tuần			1155tiết/35 tuần = 33 tiết/ tuần			1155 tiết/35 tuần = 33 tiết/ tuần			1155 tiết/35 tuần = 33 tiết/ tuần			1155 tiết/35 tuần = 33 tiết/ tuần		
	Số buổi dạy	9 buổi			9 buổi			9 buổi			9 buổi			9 buổi		

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

Quyết định số 179/QĐ-THHTM ngày 12/10/2024 V/v ban hành quy chế phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong việc giáo dục học sinh năm học 2024-2025

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

*** Chương trình dạy học tăng cường: Không**

*** Các hoạt động GDNGLL và hoạt động trải nghiệm.**

- Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học:

Thời gian	Chủ đề	Nội dung	Thời lượng	Phân công	Chi chú
Tháng 9 Tuần 2	Vui đến trường	Tổ chức Tết Trung thu	1 tiết	GVCN	
Tháng 10				TPT + NVTV	
Tuần 5	Hưởng ứng Tuần lễ học tập suốt đời	Phát động tuần lễ học tập suốt đời	1 tiết		
	Chúng em với an toàn trường học	Tập huấn kĩ năng phòng cháy chữa cháy	3 tiết	TPT xây dựng KH Khối 5 phối hợp	
Tuần 7	Truyền thống nhà trường	Tìm hiểu về truyền thống lịch sử nhà trường, Tiểu sử danh nhân Hồ Tùng Mậu.	1 tiết	Khối 3	Sinh hoạt dưới cờ
Tuần 9	Em yêu khoa học.	Sáng tạo STEM	1	Khối 4	Sinh hoạt dưới cờ
Tháng 11 Tuần 11	Ôn nghĩa thầy cô	Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	3 tiết	TPT	
Tuần 13	Quyền trẻ em	Tìm hiểu Quyền và bổn phận của trẻ em	1 tiết	Khối 2	Sinh hoạt dưới cờ
Tháng 12 Tuần 15	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu 80 năm Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, tìm hiểu di tích lịch sử địa phương.	3 tiết	TPT xây dựng kế hoạch Khối 4 phối hợp	
Tuần 17	Nét đẹp tuổi thơ	Giao lưu văn nghệ, trình diễn thời trang	1 tiết	Khối 1	Sinh hoạt dưới cờ
Tháng 1	Mừng Đảng,	Tổ chức ngoại khóa trò chơi	3 tiết	TPT xây dựng KH	

Tuần 20	mừng xuân.	dân gian Tết.		Khối 1,2 phối hợp	
Tháng 2 Tuần 22	Quê hương em	Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên quê hương	3 tiết	TPT xây dựng KH Khối 3 phối hợp	
Tuần 25	Vì sức khỏe học đường	Sống an toàn, lành mạnh, phòng chống dịch bệnh.	1	Khối 5	Sinh hoạt dưới cờ
Tháng 3 Tuần 26	Thiếu nhi vui, khỏe, sáng tạo	Ngày hội giáo dục nghề nghiệp.	3 tiết	TPT xây dựng KH Tổ 4,5 phối hợp	
Tháng 4 Tuần 30	Sách Việt Nam	Tổ chức Ngày hội đọc sách: kể chuyện, đóng tiểu phẩm theo sách.	3 tiết	TPT xây dựng KH Tổ 1,2,3 phối hợp	
Tháng 5 Tuần 35	Bác Hồ kính yêu	Đại hội cháu ngoan Bác Hồ	3 tiết	TPT	
Tháng 6	“Hè vui, khỏe và bổ ích”	Thực hiện kế hoạch hoạt động hè các cấp.		TPT	

*** Đối sánh số liệu năm học 2023-2024:** số buổi hoạt động trong năm học 2024-2025 là 9 buổi (bằng so với năm học trước)

- Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học: Không
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh

TT	Nội dung	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Hình Thức	Kinh phí
1	Giáo dục truyền thống địa phương	HS Khối 4,5	Tháng 12/2024; 5/2025	Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ phường, Nhà tưởng niệm Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai	BGH - TPT - GVCN các khối 4,5. Ban đại diện CMHS	XHH từ nguồn CMHS; NSNN

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

* Kết quả tuyển sinh: Thực hiện tốt công tác tuyển sinh.

- Tổng số lớp: 02 lớp

- Tổng số trẻ đã tuyển: 71 học sinh. Trong đó: 37 nam; 34 nữ.

+ Số đã tuyển có hộ khẩu đúng tuyến: 64; số đúng tuổi: 64; khác độ tuổi: 0

+ Số học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường Hồ Tùng Mậu: 64

+ Số học sinh có hộ khẩu thường trú ngoài thành phố Cẩm Phả: 07, số đúng tuổi: 07; khác độ tuổi: 0.

***Đối sánh số liệu năm học 2023-2024:** Năm học 2024-2025 giảm 01 lớp

* Tổng số học sinh theo từng khối/ số học sinh bình quân/ lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
1	* Lớp 1			
	- Số lớp	3	02	Giảm 01 lớp
	- Số HS	84	71	
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 28	≈ 36	
	- Số HS học 2 buổi/ngày:	84	71	Đạt 100%
	- Số HS Nam/ Nữ	48/36	37/34	
	- Số HS dân tộc thiểu số	02	0	
	- Số HS khuyết tật (hòa nhập)	02	01	
	- Số HS chuyển trường	15	7	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	9	6	
2	* Lớp 2			
	- Số lớp	03	03	
	- Số HS	91	84	
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 31	≈ 28	
	- Số HS học 2 buổi/ngày:	91	84	Đạt 100%
	- Số HS Nam/ Nữ	50/41	47/37	
	- Số HS dân tộc thiểu số	1	1	
	- Số HS khuyết tật (hòa nhập)	1	2	
	- Số HS chuyển trường	2	1	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	6	1	
3	* Lớp 3			
	- Số lớp	03	03	
	- Số HS	88	85	
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 30	≈ 29	
	- Số HS học 2 buổi/ngày:		85	Đạt 100%

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
	- Số HS Nam/ Nữ	47/41	46/39	
	- Số HS dân tộc thiểu số	3	1	
	- HS khuyết tật (hòa nhập):	2	1	
	- Số HS chuyển trường	3	9	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	4	3	
4	* Lớp 4			
	- Số lớp	03	03	
	- Số HS	92	90	
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 31	≈ 30	
	- Số HS học 2 buổi/ngày:		90	Đạt 100%
	- Số HS Nam/ Nữ	47/45	49/41	
	- Số HS dân tộc thiểu số	0	4	
	- HS khuyết tật (hòa nhập):	02	2	
	- Số HS chuyển trường	2	1	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	4	3	
5	* Lớp 5			
	- Số lớp	03	03	
	- Số HS	98	94	
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 33	≈ 31	
	- Số HS học 7 buổi/tuần:	98	94	Đạt 100%
	- Số HS Nam/ Nữ	47/51	48/46	
	- Số HS dân tộc thiểu số	2	0	
	- HS khuyết tật (hòa nhập):	03	02	
	- Số HS chuyển trường	3	0	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	7	2	
*	Toàn trường			
	- Số lớp	15	14	Giảm 01 lớp
	- Số HS	453	424	Giảm 29 HS
	- Số HS bình quân /lớp	≈ 31	≈ 30	
	- Số HS học 2 buổi/ngày:	453	424	Đạt 100%
	- Số HS Nam/ Nữ	239/214	227/197	
	- Số HS dân tộc thiểu số	8	6	
	- HS khuyết tật (hòa nhập):	10	8	
	- Số HS chuyển trường	25	18	
	- Số tiếp nhận HS tại trường	30	15	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT

* Năm học 2023-2024:



BC_TH_Chatluonggiao
duc_TheoKhoi 2023-21

* Năm học 2024-2025:



BC_TH_Chatluonggiao
duc_TheoKhoi 2024-21

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Chi chú
	Tổng số học sinh	453	424	
1	Chương trình lớp học			
	- Hoàn thành	453	420	
	- Chưa hoàn thành	0	04	Rèn luyện trong hè
2	Kết quả giáo dục			
	- Hoàn thành xuất sắc	198	180	
	- Hoàn thành tốt/ vượt trội	110	89	
	- Hoàn thành	145	151	
	- Chưa hoàn thành		4	2024-2025 chưa KT lại trong hè
3	Chương trình Tiểu học			
	- Hoàn thành	98	94	Đạt 100%
	- Chưa hoàn thành	0	0	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của đơn vị trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Tình hình tài chính

a) Các khoản thu

STT	Nội dung	Số tiền		Ghi chú
		Năm 2024	Năm 2025	
I	Nguồn kinh phí	6.773.359.921	7.008.165.000	
1	Ngân sách nhà nước	6.773.359.921	7.008.165.000	
1.1	Nguồn tự chủ	5.688.481.300	6.083.310.000	
1.2	Nguồn không tự chủ	1.084.878.621	924.855.000	
2	Thu sự nghiệp	0		
2.1	Học phí	0		
II	Hoạt động			
1	Giáo dục và đào tạo			
2	Khoa học và công nghệ	0		
3	Hoạt động khác	0		

b) Các khoản chi

STT	Nội dung	Số tiền			
		Năm 2024		Năm 2025	
		Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ	Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ
I	Chi lương và thu nhập	5. 688.481.300	1.084.878.621	2. 871.228.305	189. 584.454
1	Tiền lương	2.452.869.002		1. 360.689.259	
2	Tiền công	0		5. 475.600	
3	Phụ cấp lương	1.418.608.605	182.859.579	760. 701.240	122. 284.454
4	Các khoản đóng góp	692.830.374		377. 286.770	
5	Phúc lợi tập thể	160.998.500		99.950.000	
6	Các khoản thanh toán cá nhân khác	19.427.400		11.770.200	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ				
1	Thanh toán dịch vụ công cộng	43.978.836		31.788.052	
2	Vật tư văn phòng	51.923.700	6.649.940	22.704.720	
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	35.033.660	24.280.200	7. 624.680	
4	Hội nghị	1.942.000			
5	Công tác phí	11.050.000		5. 050.000	
6	Chi phí thuê mướn	149.770.000	77.200.000	68.800.000	43.800.000
7	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	86.990.000	616.366.059	31.557.000	9.000.000
8	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	37.950.000			
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	45.790.540	18.522.130	32.151.784	7.000.000
10	Chi khác	143.512.000	2.520.713	55.679.000	
III	Học bổng và hỗ trợ khác người học		14.550.000		7.500.000
1	Hỗ trợ chi phí học tập		14.550.000		7.500.000
IV	Chi lập các quỹ	335.806.683			
1	Chi lập quỹ bổ	335.806.683			

STT	Nội dung	Số tiền			
		Năm 2024		Năm 2025	
		Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ	Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ
	sung thu nhập				
2	Chi lập quỹ phúc lợi	0			
3	Chi lập quỹ khen thưởng	0			
4	Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp	0			

Số tiền ở nguồn không tự chủ chuyển sang năm 2025 là: 0 đồng

2. Các khoản thu, mức thu

STT	Nội dung	Năm 2024 (T9 đến T12)		Năm 2025 (T1 đến T5)	
		Mức thu	Tổng thu	Mức thu	Tổng thu
I	Thu sự nghiệp		0		0
1	Học phí	Không thu	0	Không thu	0
II	Các khoản thu dịch vụ				
	Tiền ăn	24.000đ/ suất	402.168.000 đồng	24.000đ/ suất	508.032.000 đồng
1	Tiền chi phí gián tiếp bán trú	1.000đ/ngày	17.214.000 đồng.	1.000đ/ngày	27.194.000đồng.
2	Tiền QLHS trong giờ bán trú	6.300đ/HS/ ngày	108.448.200 đồng	6.300đ/HS/ ngày	171.322.200đồng
3	Tiền nước uống	13.200 đ/tháng/(HS học 9 buổi/tuần)	20.368.800 đồng	13.200 đ/tháng/(HS học 9 buổi/tuần)	22.804.200đồng
4	Tiền điện điều hòa - Tháng 01 đến tháng 5/2024 - Tháng 09/2024 đến tháng 05/2025 Thanh toán theo thực tế công tơ từng lớp, số tiền thừa trả phụ huynh, thiếu sẽ thu bổ sung lại vào cuối năm học. + Lớp có điều hòa công xuất 900	Thu theo thực tế lớp sử dụng	9.259.488 đồng	Thu theo thực tế lớp sử dụng	21.435.304 đồng

STT	Nội dung	Năm 2024 (T9 đến T12)		Năm 2025 (T1 đến T5)	
		Mức thu	Tổng thu	Mức thu	Tổng thu
	BTU + Lớp có điều hòa công xuất 1200 BTU + Lớp có điều hòa công xuất 1800 BTU				

Số tiền chuyển sang năm 2025: 223. 424 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách đối với người học

STT	Nội dung	Số tiền		Ghi chú
		Năm 2024	Năm 2025	
I	Miễn, giảm học phí	0	0	
1	Miễn	0	0	
	Số học sinh	0 học sinh	0 học sinh	
2	Giảm	0	0	
	Số học sinh	0 học sinh	0 học sinh	
II	Hỗ trợ chi phí học tập	14.550.000 đ	7.500.000đ	
1	Số học sinh	11 học sinh	10 học sinh	

Số tiền chuyển sang năm 2025 là: 0 đồng

4. Số dư các quỹ

STT	Nội dung	Số tồn đầu kì	Số thu trong kì	Số chi trong kì	Số tồn cuối kì
1	Quỹ bổ sung thu nhập	0	0	0	0
2	Quỹ Phúc lợi	0	0	0	0
3	Quỹ Khen thưởng	0	0	0	0
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0	0	0	0

Số tiền chuyển sang năm 2025 là: 0 đồng

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện tốt việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành; nâng cao nhận thức của viên chức, cha mẹ học sinh và học sinh, người dân về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của chuyển đổi số. Công tác chuyển đổi số được các cơ sở giáo dục trong nhà trường tích cực thực hiện hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chất lượng dạy và học.

- Cán bộ giáo viên hoàn thành đúng tiến độ việc đồng bộ thông tin giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trên phần mềm Smas; 424/424 đạt 100% học sinh có định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Tiếp tục phát triển trang website của trường và hướng dẫn CB, GV, NV và học sinh sử dụng trang website của trường một cách có hiệu quả.

- 100% giáo viên sử dụng CNTT có hiệu quả trong lập hồ sơ và giảng dạy; có xây dựng kho học liệu điện tử của trường

- Thực hiện tốt việc sử dụng các ứng dụng hỗ trợ, phần mềm trong quản lý nhà trường và học sinh: Smas; <https://temis.csdl.edu.vn/temis>; Misa; Quangninh.qlcb.vn; <http://truong.csdl.moet.gov.vn>; <https://pcgd.moet.gov.vn>; Google driver quản lý hồ sơ cán bộ viên chức.

2. Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

- Việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ: Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra theo đúng thời gian quy định và kế hoạch đã xây dựng đạt kết quả tốt.

- Nhà trường đã lồng ghép, đưa các nội dung, thông tin về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng trong các buổi họp, tuyên truyền trong nhà trường.

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác dân chủ; chỉ đạo nghiêm túc công khai mọi hoạt động của nhà trường theo quy định tại bảng tin của nhà trường, trên website trường, trong cuộc họp định kì.

- Nhà trường không có đơn thư yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; không có trường hợp nào vi phạm hành chính phải xử phạt.

3. Công tác truyền thông; thi đua, khen thưởng

3.1. Công tác truyền thông: Nhà trường đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh việc triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và toàn ngành đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo tới toàn thể các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3.2. Công tác thi đua, khen thưởng

- Xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng; phát động thi đua năm học 2024-2025 tới toàn thể CBGVNV.

- Thực hiện kế hoạch, biện pháp tổ chức, nội dung thi đua trong nhà trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt.

- Thực hiện tốt thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, thực hiện tốt việc cam kết với nhà trường, thi đua đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác.

- Thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang:

+ Thống nhất Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu năm 2024 theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (lấy kết quả xếp loại viên chức năm học 2023-2024 làm căn cứ xét thưởng): 100% cán bộ, viên chức Nhất trí Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu năm 2024.

+ Khen thưởng HTXS nhiệm vụ: 05/26 đạt 19,2%.

+ Khen thưởng HTTNV: 20/26 đạt 76,9%.

+ Khen thưởng HTNV: 01/26 đạt 3,9%.

Trên đây là Báo cáo thường niên Thực hiện công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm 2025 của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu.

Nơi nhận:

- Website của trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thủy